THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng gần 10 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,347.69 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất và Bất động sản, Du lịch và giải trí tăng mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông và Dầu khí điều chỉnh mạnh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, HNX và bán ròng trên UPCOM. Lực cản tại 1,350 đã xuất hiện trong ngày hôm nay, tuy nhiên lực bắt đáy tại 1,340 khá tốt. Trong trường hợp tích cực, VN-Index có thể vượt ngưỡng 1350 và hình thành xu hướng mới, tuy nhiên vẫn cần sự xác nhận của thanh khoản trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 17/06/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index +9.58 điểm, đóng cửa tại 1347.69 điểm. HNX-Index +0.12 điểm, đóng cửa tại 228.24 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+2.15), VIC (+2.11), VCB (+1.17), GVR (+0.86), VPL (+0.59).
- Kéo chỉ số giảm: PLX (-0.36), BSR (-0.35), GEE (-0.21), MBB (-0.14), ACB (-0.10).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 18,209 tỷ đồng, giảm -5.71% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,932 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.9 điểm. Thị trường có 177 mã tăng, 53 mã tham chiếu, 133 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 558.33 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (218.11 tỷ), HPG (129.82 tỷ), NVL (115.67 tỷ), VCB (88.27 tỷ), VCI (59.45 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 38.25 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 +0.42%. Các mã diễn biến tích cực:
  - PDR (+4.36%) *(Link báo cáo)*
  - VHM (+3.26%) *(Link báo cáo)*
  - DCM (+3.12%) *(Link báo cáo)*
- BSC50 +0.62%. Các mã diễn biến tích cực:
  - DPG (+6.99%)
  - DPM (+5.50%) *(Link báo cáo)*
  - GVR (+3.21%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.42%	0.62%	0.72%	0.78%
1 tuần	4.33%	1.43%	2.39%	1.89%
1 tháng	6.07%	4.64%	3.56%	3.39%
3 tháng	-0.40%	-2.42%	1.74%	3.90%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,347.69	228.24	98.87
% 1D	0.72%	0.05%	0.78%
GTKL (tỷ VND)	18,209	1,625	561
%1D	-5.71%	15.07%	-15.51%
GDNN (tỷ VND)	558.33	38.25	-13.95

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	218.11	STB	-78.83
HPG	129.82	PVD	-60.61
NVL	115.67	VIC	-60.16
VCB	88.27	EIB	-52.66
VCI	59.45	VHM	-51.40

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,033	0.94%	0.45%
FTSE100	8,842	-0.37%	-0.12%
Eurostoxx	5,293	-0.91%	-2.23%
Shanghai	3,387	-0.04%	0.08%
Nikkei	38,537	0.59%	0.93%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.08	1.16%
Giá vàng	3,380	-1.03%
Tỷ giá		
USD/VND	26,240	-0.01%
EUR/VND	30,822	-0.15%
JPY/VND	185	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.01%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50

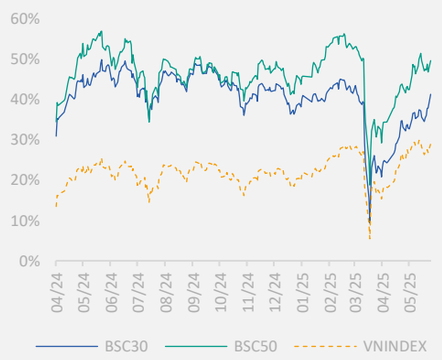

Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Mở tài khoản tại BSC

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

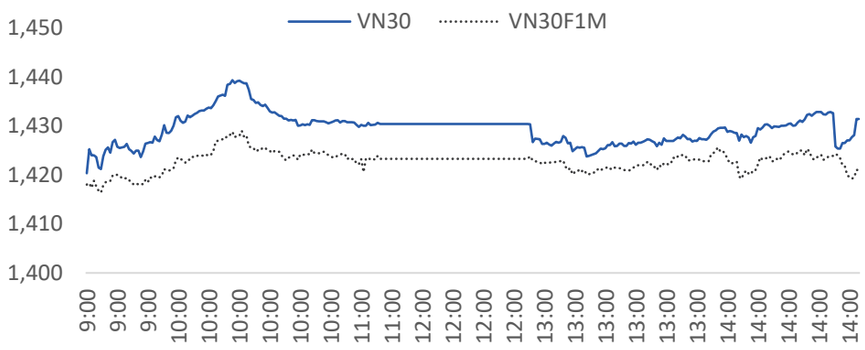

Nguồn: BSC Research

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	87.70	2.69%	3.77
VHM	69.60	3.26%	3.25
MSN	67.90	1.65%	1.29
LPB	32.35	2.21%	1.25
STB	46.00	1.10%	0.59

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1414.00	0.31%	194	13.5%	18/09/2025	93
VN30F2512	1414.70	0.38%	46	-23.3%	18/12/2025	184
41I1F7000	1420.50	0.35%	6,416	24.9%	17/07/2025	30
VN30F2506	1421.00	0.30%	188,590	9.2%	19/06/2025	2

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
ACB	21.20	-0.47%	-0.25
FPT	118.80	-0.17%	-0.23
PLX	39.05	-3.10%	-0.22
MBB	25.00	-0.40%	-0.21
VIB	18.20	-0.55%	-0.13

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định

• VN30 +11.04 điểm, đóng cửa tại 1431.39 điểm. Biên độ dao động 20.45 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, MSN, LPB, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.

• Thị trường tiếp tục có quán tính tăng giá từ khi mở cửa, đà tăng chững lại từ cuối phiên sáng. VN30 giữ được sắc xanh đến cuối phiên giao dịch. Thanh khoản thị trường lùi về dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

• Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2506	30/06/2025	13	218,700	-86.06%	16.40	20	100.0%	12.91	16.56	118.80	118.80
CTPB2501	30/06/2025	13	11,900	-86.75%	1.77	20	100.0%	12.59	1.79	13.50	13.50
CMSN2501	26/06/2025	9	497,300	-88.92%	7.20	40	33.3%	7.59	7.52	67.90	67.90
CHPG2507	30/06/2025	13	60,600	-88.31%	2.96	90	28.6%	11.95	3.14	26.85	26.85
CVHM2411	30/06/2025	13	900	-64.36%	5.06	3,950	23.8%	12.91	24.81	69.60	69.60
CTCB2406	30/06/2025	13	11,700	-74.39%	2.80	1,100	23.6%	5.92	8.30	32.40	32.40
CVHM2509	19/12/2025	185	3,200	-64.56%	5.67	3,800	21.0%	12.81	24.67	69.60	69.60
CVHM2508	19/11/2025	155	500	-64.66%	5.44	3,830	20.8%	12.85	24.59	69.60	69.60
CVIC2508	19/12/2025	185	3,300	-57.53%	6.10	6,230	18.4%	16.35	37.25	87.70	87.70
CVHM2505	21/07/2025	34	400	-63.51%	5.00	4,080	17.6%	12.92	25.40	69.60	69.60
CVHM2507	20/10/2025	125	700	-64.32%	5.33	3,900	16.8%	12.87	24.83	69.60	69.60
CVHM2506	19/09/2025	94	500	-63.20%	5.11	4,100	16.1%	12.91	25.61	69.60	69.60
CVHM2406	28/07/2025	41	62,200	-62.13%	5.00	5,340	15.6%	16.16	26.36	69.60	69.60
CSTB2413	30/06/2025	13	66,100	-77.98%	3.97	1,540	14.9%	10.51	10.13	46.00	46.00
CVHM2503	9/04/2026	296	11,300	-47.40%	4.20	4,630	12.9%	9.37	36.61	69.60	69.60
CVHM2408	4/11/2025	140	50,500	-45.75%	3.80	8,490	12.9%	16.47	37.76	69.60	69.60
CVIC2507	19/11/2025	155	38,600	-56.74%	5.89	6,410	12.7%	16.39	37.94	87.70	87.70
CVHM2409	14/08/2025	58	13,300	-52.44%	4.20	5,780	12.2%	13.09	33.10	69.60	69.60
CFPT2507	5/08/2025	49	1,200	-85.08%	15.50	280	12.0%	13.04	17.72	118.80	118.80
CVIC2506	20/10/2025	125	400	-56.75%	5.78	6,430	11.6%	16.40	37.93	87.70	87.70

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

• Trong phiên giao dịch ngày 17/06/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.

• CFPT2506 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CVIC2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.92%.

• CMBB2407, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CSTB2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	69.60	3.26%	2.15	4.11
VIC	87.70	2.69%	2.11	3.88
VCB	57.20	1.06%	1.17	8.36
GVR	28.90	3.21%	0.86	4.00
VPL	95.40	1.49%	0.59	1.79

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PLX	39.05	-3.10%	-0.36	1.27
BSR	19.00	-2.56%	-0.35	3.10
GEE	97.40	-2.60%	-0.21	0.37
MBB	25.00	-0.40%	-0.14	6.10
ACB	21.20	-0.47%	-0.10	4.47

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	81.00	2.27%	0.17	0.14
IDC	41.50	1.47%	0.13	0.33
THD	28.00	1.82%	0.12	0.38
NVB	11.50	0.88%	0.08	1.17
LAS	23.30	2.64%	0.04	0.11

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	35.70	-2.99%	-0.32	0.48
KSV	167.40	-0.77%	-0.16	0.20
HUT	13.10	-0.76%	-0.06	0.89
SHS	13.00	-0.76%	-0.06	0.89
VNR	22.50	-1.75%	-0.05	0.18

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DPG	45.15	6.99%	0.07	1.93
LDG	2.31	6.94%	0.01	3.25
HAS	8.23	6.88%	0.00	0.00
TDH	4.40	6.80%	0.01	0.56
PIT	8.12	6.70%	0.00	0.09

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	5.46	-6.83%	0.00	0.00
FUCTVGF5	10.80	-5.26%	0.00	0.00
HRC	31.05	-5.05%	-0.01	0.00
CCI	21.65	-4.84%	0.00	0.00
YEG	12.70	-3.79%	-0.02	6.55

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NHC	19.90	9.94%	0.02	0.00
TMX	10.00	9.89%	0.02	0.00
BTW	44.80	9.80%	0.15	0.00
PTX	20.30	9.73%	0.05	0.01
SFN	19.40	9.60%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVN	5.50	-9.84%	-0.04	1.78
SHN	6.20	-8.82%	-0.26	0.00
MAC	19.70	-8.37%	-0.14	0.00
GLT	31.10	-7.99%	-0.09	0.00
S55	52.00	-7.14%	-0.14	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

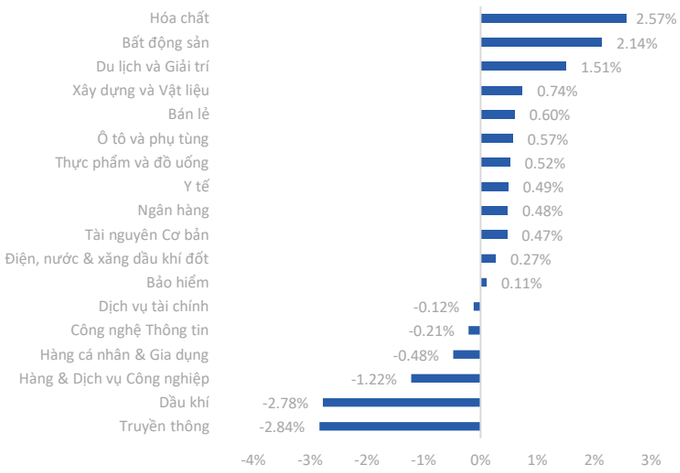

Hình 2
Giao dịch khối ngoại

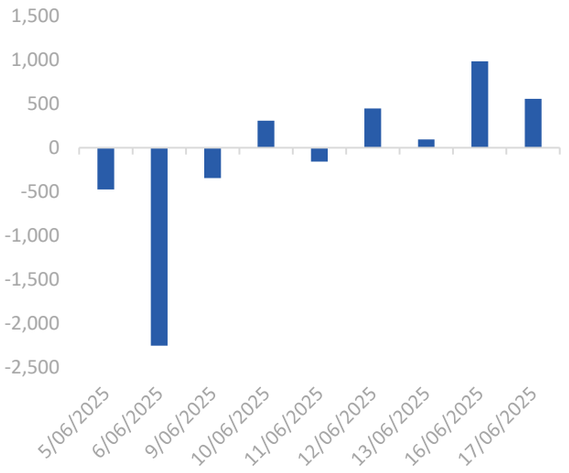

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.4	0.2%	1.5	95,243	375.5	2,978	21.6		48.0%	
KBC	Bất động sản	25.2	-0.2%	1.4	19,344	341.8	1,629	15.5		17.8%	
KDH	Bất động sản	29.7	1.0%	1.3	30,031	106.8	896	33.1		35.5%	
PDR	Bất động sản	18.0	4.4%	1.8	16,285	341.5	180	99.9	23,600	9.7%	Link
VHM	Bất động sản	69.6	3.3%	0.9	285,876	292.5	7,766	9.0	81,300	10.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	118.8	-0.2%	0.9	175,982	708.5	5,613	21.2	136,500	40.8%	Link
BSR	Dầu khí	19.0	-2.6%	0.0	58,909	119.3	(37)	-516.9		0.2%	
PVS	Dầu khí	35.7	-3.0%	1.5	17,063	411.4	2,303	15.5	38,600	14.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.7	-0.2%	1.4	18,467	195.4	1,394	18.4		37.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.9	0.0%	1.2	47,029	389.4	1,545	15.4		34.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.1	0.4%	1.3	25,887	172.8	1,602	22.5		29.2%	
DCM	Hóa chất	36.4	3.1%	1.5	19,244	358.2	2,805	13.0	37,800	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	98.7	0.7%	1.4	37,484	251.8	8,224	12.0	109,300	14.8%	Link
ACB	Ngân hàng	21.2	-0.5%	0.8	108,897	265.1	3,224	6.6	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	35.9	0.1%	0.8	252,067	134.9	3,643	9.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	40.4	0.1%	1.1	216,679	318.2	4,806	8.4	50,000	26.9%	Link
HDB	Ngân hàng	21.9	0.7%	1.1	76,542	284.9	3,985	5.5	26,400	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	25.0	-0.4%	1.0	152,557	578.3	4,049	6.2	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	0.0%	1.0	31,720	262.8	2,150	5.7	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	46.0	1.1%	1.0	86,720	403.7	5,767	8.0		20.4%	
TCB	Ngân hàng	32.4	0.3%	1.1	228,901	1260.2	3,013	10.8	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.5	1.5%	1.0	35,666	213.6	2,383	5.7	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.2	1.1%	0.8	477,945	298.0	4,063	14.1	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.2	-0.6%	0.9	54,220	101.1	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	0.0%	1.0	149,158	658.2	2,030	9.3	24,000	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	0.4%	1.3	171,739	718.8	1,954	13.7	35,800	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.9	1.2%	1.7	10,495	189.8	749	22.6	16,800	8.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	30.5	-1.0%	1.5	10,191	189.1	3,930	7.8	32,200	3.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	67.9	1.7%	1.3	97,664	701.4	1,518	44.7	82,500	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.2	-0.2%	0.7	117,455	191.8	4,194	13.4		48.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.0	1.36%	1.5	8,986	179.7	2,098	19.5	22.0%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	177.4	2.01%	0.7	24,169	46.7	3,279	54.1	32.6%	24.0%	Link
BVH	Bảo hiểm	51.7	0.19%	1.0	38,378	33.0	2,975	17.4	27.2%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.3	0.29%	1.7	11,151	223.9	303	56.9	3.7%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.2	1.25%	1.7	16,455	327.7	310	52.2	23.8%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.4	1.81%	1.4	4,521	123.1	443	57.3	3.0%	3.4%	
HDG	Bất động sản	25.1	2.45%	1.4	9,286	163.2	762	32.9	20.1%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	41.5	1.47%	1.5	13,695	68.7	4,982	8.3	17.3%	31.2%	
NLG	Bất động sản	38.6	1.58%	1.6	14,864	127.7	1,827	21.1	46.2%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	65.0	0.15%	0.0	13,685	18.6	6,076	10.7	4.5%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.3	0.76%	1.4	5,985	37.4	2,036	16.3	2.2%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.7	1.29%	1.5	13,164	142.7	1,279	15.4	10.0%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	87.7	2.69%	1.1	335,335	305.2	2,823	31.1	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.6	0.20%	1.0	55,785	120.1	1,844	13.3	18.2%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.3	-1.49%	1.3	7,660	39.7	1,654	21.9	36.3%	12.5%	
PLX	Dầu khí	39.1	-3.10%	1.1	49,617	106.6	1,535	25.4	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	21.3	-2.52%	1.4	11,840	359.2	1,246	17.1	4.9%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.2	-0.55%	1.6	12,182	74.7	1,650	21.9	27.5%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.0	-0.37%	1.6	15,465	68.2	1,650	16.4	6.7%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.3	0.58%	1.0	162,347	191.4	4,543	15.3	1.9%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.2	1.15%	1.3	30,913	173.2	546	24.2	3.4%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.9	-0.43%	0.9	37,321	38.7	3,922	17.6	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	87.7	-0.11%	0.6	51,884	71.8	2,779	31.6	12.0%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	34.8	-0.57%	1.8	31,403	126.0	1,954	17.8	8.7%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.5	-0.18%	1.2	23,741	113.0	3,797	14.9	40.3%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.5	-1.97%	1.2	9,028	231.2	5,594	12.4	5.6%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.1	-3.41%	1.2	8,580	105.2	3,026	8.0	10.5%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	118.0	-2.48%	0.0	14,370	110.2	3,235	36.5	6.1%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	81.1	-1.10%	1.1	27,404	47.2	6,105	13.3	48.9%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.2	0.86%	1.0	3,272	74.7	2,608	11.2	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.9	1.61%	1.6	2,317	13.8	2,580	7.3	16.2%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	38.4	5.50%	1.3	15,008	423.8	1,223	31.4	7.2%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	28.9	3.21%	1.6	115,600	135.2	1,174	24.6	0.9%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	23.5	0.64%	1.0	43,681	292.7	1,856	12.6	5.3%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.4	2.21%	0.3	96,639	131.8	3,333	9.7	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.7	0.30%	0.0	22,922	119.4	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.7	2.18%	1.0	28,850	110.4	1,189	9.8	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.4	1.52%	1.7	5,975	115.3	1,122	11.9	5.0%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.6	-0.30%	1.6	4,407	18.3	612	27.0	1.2%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.9	-0.14%	0.6	10,899	95.1	1,403	25.6	2.6%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.0	0.81%	0.8	64,064	79.0	3,217	15.5	59.0%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.2	-0.73%	1.2	12,165	44.9	5,567	9.7	22.0%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	139.5	2.12%	0.7	11,420	32.6	13,288	10.5	85.5%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.2	0.24%	1.4	8,214	89.0	3,238	25.4	48.6%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	100.0	-0.79%	1.3	11,439	56.9	4,754	21.0	9.4%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.2	6.99%	1.7	4,551	86.7	2,336	19.3	7.3%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.3	0.82%	1.4	5,827	72.2	1,090	11.3	9.9%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.3	0.22%	1.2	7,975	25.4	1,237	18.0	16.6%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.6	2.23%	1.2	13,318	252.7	915	22.5	6.7%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.9	0.46%	1.5	19,660	15.4	2,720	16.1	5.6%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: **http://www.bsc.com.vn**